TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2021
"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Gái
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Bùi Thị Kim Loan;
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2021/TLST–HNGĐ ngày 05/4/2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST– HNGĐ ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Chung Thị V**, sinh năm: 1979;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi ĐKNKTT: Tổ 107, khu 8B, phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N; Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, khu Bạch Đằng, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Trần Nam Tr**, sinh năm: 1974;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi ĐKHKTT: Tổ 107, khu 8B, phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N – Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chung Thị V đều trình bày: Tôi kết hôn với anh Trần Nam Tr trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N vào ngày 20/6/2003. Trước khi kết hôn chúng tôi có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm; Sau khi kết hôn vợ chồng tôi về sống chung cùng bố mẹ đẻ anh Tr tại tổ 107, khu 8B, phường Cẩm P, thành phố Cẩm P; Vợ chồng chung sống đến khi tôi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng

tôi bất đồng quan điểm, hay to tiếng cãi nhau nên gia đình thường xuyên Pi khuyên can. Sau đó anh Tr mải chơi, không tu chí làm ăn, vướng vào tệ nạn xã hội đến năm 2007- 2008 thì bị Tòa án thành phố Cẩm P xét xử hơn 07 năm tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy". Khi anh Tr đi cải tạo thì tôi xin phép bố mẹ chồng đưa con về nhà ngoại ở. Từ năm 2014 anh Tr chấp hành án xong trở về địa phương anh vẫn mắc vào tệ nạn xã hội nên tôi không quay về chung sống với anh Tr nữa. Bản thân anh Tr từ khi trở về cũng không lần nào liên lạc hay động viên tôi để vợ chồng đoàn tụ, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Nam Tr để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và anh Trần Nam Tr có một con chung là: Trần Chung Kiên, sinh ngày 03/11/2003. Khi anh Tr đi cải tạo tôi đưa con về gia đình ngoại ở. Đến thời điểm con vào học lớp 1 theo nguyện vọng của ông bà nội tôi đưa con về ở với ông bà để ông bà chăm sóc và cũng là giúp cho tôi có thời gian đi làm, hàng tháng tôi có trách nhiệm đóng tiền học và tiền sinh hoạt cho con. Do vậy, con chung từ khi đi học đã ở cùng ông bà nội cho đến nay và hiện đang ở cùng với anh Tr. Nay con chung của tôi có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố để thuận tiện cho việc đi học nên khi ly hôn tôi đồng ý để anh Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Tôi tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021. Hiện nay tôi làm tự do, buôn bán với thu nhập ổn định từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Tôi và anh Tr đã tự thỏa thuận xong, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Nam Tr tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh trình bày: Tôi kết hôn với chị Chung Thị V vào năm 2003, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân phường Cẩm P, thành phố Cẩm P trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn chúng tôi có thời gian tìm hiểu nhau 03 năm. Sau khi kết hôn chúng tôi về sống chung với bố mẹ tôi tại tổ 107, khu 8B, phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, đến năm 2007 thì sống ly thân. Nguyên nhân ly thân là do tôi đi tù, chị V bỏ về gia đình ngoại ở. Năm 2014, tôi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng chị V không quay về, tôi muốn cô ấy tự suy nghĩ nên cũng không có bắt buộc gì; nhưng tôi biết chị V muốn ly hôn với tôi để lấy người khác; tôi không đồng ý ly hôn, tôi vẫn mong muốn chị V vì con suy nghĩ lại để cả hai cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Tôi và chị V có một con chung là Trần Chung Kiên, sinh ngày 03/11/2003. Nếu Tòa án giải quyết cho tôi và chị V ly hôn thì quan điểm của tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị V Pi cấp dưỡng cho con. Do chị V hiện đang sống nhờ nhà ngoại nên không đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Tôi và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; bị đơn anh Trần Nam Tr có đưa ra quan điểm tại bản tự khai ngày 11/6/2021 nhưng hai lần Tòa án triệu tập đến phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Tr đều vắng mặt. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chung Thị V và quan điểm của bị đơn anh Trần Nam Tr, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Chung Thị V đối với anh Trần Nam Tr, chị Chung Thị V được ly hôn với anh Trần Nam Tr, giao con chung Trần Chung Kiên, sinh ngày 03/11/2003 cho anh Trần Nam Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, chị Chung Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chung Thị V yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Nam Tr hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cẩm P nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Trần Nam Tr tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên không có lý do; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Chung Thị V và anh Trần Nam Tr là hôn nhân hợp pháp, hai anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm P, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N vào năm 2003 trên cở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình nhà nội đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm,vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau, đến năm 2008 anh Tr bị bắt giam và bị Tòa án thành phố Cẩm P xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; từ khi anh Tr đi cải tạo chị V đã về gia đình ngoại ở cho đến nay, từ năm 2014 anh Tr chấp hành hình phạt xong trở về địa phương nhưng vợ chồng không bàn bạc để đoàn tụ và tiếp tục sống ly thân cho đến nay; chị V có quan điểm không còn tình cảm với anh Tr nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống; anh Tr không đồng ý ly hôn vì anh Tr vẫn muốn chị V suy nghĩ lại để cả hai cùng chăm lo cho con cái. Lời khai của chị V và anh Tr phù hợp với tài liệu chứng cứ được thu thập tại nơi anh chị chung sống, chị V yêu cầu được ly hôn với anh Tr là có cơ sở và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Chung Thị V và anh Trần Nam Tr đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không

đạt nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chung Thị V đối với anh Trần Nam Tr.

Về con chung: Chị V và anh Tr có một con chung là Trần Chung Kiên, sinh ngày 03/11/2003. Chị V có quan điểm để anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng cho con mức 1.000.000 đồng/tháng. Anh Tr có quan điểm yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con chung nhưng không đưa ra mức yêu cầu cụ thể về cấp dưỡng; cháu Trần Chung Kiên trình bày quan điểm có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Đối với quan điểm của chị V và anh Tr đưa ra đều có quan điểm để anh Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và phù hợp với nguyện vọng của con chung Trần Chung Kiên, chị V tự nguyện cấp dưỡng cho con chung 1.000.000 đồng/tháng là tự nguyện, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy giao con chung Trần Chung Kiên cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mức 1.000.000đ/tháng là phù hợp và chị có quyền được thăm non con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V và anh Tr xác định tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung là không có nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Chung Thị V Pi chịu án phí ly hôn sơ thẩm và Pi nộp án phí cấp dưỡng cho con theo quy định.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Chung Thị V đối với anh Trần Nam Tr. Chị Chung Thị V được ly hôn với anh Trần Nam Tr.

Giao cho anh Trần Nam Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Chung Kiên, sinh ngày 03/11/2003 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chung Thị V có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Chung Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Chung Thị V Pi chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005780 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi thành án

dân sự thành phố Cẩm P và Pi chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng cho con;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q/N;
- VKSND thành phố C/P;
- Chi cục THADS thành phố C/P;
- UBND phường Cẩm P, thành phố C/P, tỉnh Quảng N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Gái